

GÓP PHẦN TÌM HIỂU VỀ NGUYỄN TRÃI NHÀ CHÍNH TRỊ, NHÀ VĂN HÓA, NHÀ TƯ TƯỞNG LỚN CỦA DÂN TỘC

Doãn Chính^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Trịnh Thanh Tùng^()**

^(**) Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Email: tungtrinh030485@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 7 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2020.

Tóm tắt: Nguyễn Trãi (1380 - 1442) - ngôi sao sáng trong lịch sử Việt Nam, là sự kết tinh cao đẹp về tài năng, đức độ, tinh thần, khí phách của dân tộc, không chỉ soi sáng trong thời đại ông mà còn tỏa sáng mãi mai sau. Tất cả điều đó được bài báo trình bày qua cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Nguyễn Trãi, trên các phương diện: Nhà chính trị, nhà chiến lược thiên tài, nhà văn hóa, nhà tư tưởng lớn.

Từ khóa: Nguyễn Trãi, nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà văn hóa, nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng.

Một trong những giai đoạn phát triển rực rỡ, ghi dấu ấn trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, đó là thời kỳ Lê sơ, với hai thành tựu quan trọng nhất: *Một là*, tiến hành cuộc kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi, bảo vệ nền độc lập dân tộc; *hai là*, xây dựng thành công một nhà nước Đại Việt thống nhất, hùng mạnh, một xã hội Đại Việt thái bình, thịnh trị. Từ thực tiễn lịch sử đó đã xuất hiện những anh hùng hào kiệt, những nhà tư tưởng lớn; trong đó, Nguyễn Trãi nổi lên là một nhân vật kiệt xuất, văn võ song toàn.

Tài năng, đức độ của Nguyễn Trãi - một tấm gương sáng tuyệt vời về trí tuệ,

tâm hồn và nhân cách, được biểu hiện trên các phương diện: Nhà chính trị, nhà chiến lược thiên tài, nhà văn hóa, nhà tư tưởng lớn, thể hiện trong các tác phẩm lớn của ông, như *Bình Ngô sách*, *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*, *Dư địa chí*, *Lam Sơn thực lục*, *Ngọc đường di cáo*, *Luật thư*, *Giao tự đại lễ*, *Thạch khách hồ*, *Phú núi Chí Linh*, *Chuyện cũ về Bãng Hồ tiên sinh* và một số bài chiếu, biểu, cáo, dụ mà ông đã thay Lê Thái Tổ viết.

Với tư cách là nhà chính trị, nhà chiến lược thiên tài, Nguyễn Trãi, như vua Lê Nhân Tông (1441 - 1459) đã nói, “là người

trung thành giúp đức Thái Tổ dẹp loạn tặc, giúp đức Thái Tông sửa sang thái bình. Văn chương và đức nghiệp của Nguyễn Trãi so với các danh tướng của bản triều không ai sánh bằng”¹. Trên tinh thần dân tộc cao cả, lòng yêu nước nồng nàn, tình yêu thương nhân dân thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc, với một nhãn quan chính trị sắc bén, Nguyễn Trãi đã cùng Bình Định vương Lê Lợi hoạch định đường lối, chiến lược, sách lược kháng chiến chống giặc Minh, hình thành nên hệ thống quan điểm, tư tưởng chính trị đặc sắc. Ông đã dâng lên Lê Lợi một kế hoạch đánh quân Minh nhan đề *Bình Ngô sách*. Trong đó ông đã “hiển mưu chước lớn, không nói đến việc đánh thành mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người, cuối cùng nhân dân và đất nước của mười năm đạo nước ta đều đem về cho ta cả”². Nguyễn Trãi chủ trương dựa trên nền tảng của một cuộc chiến tranh nhân dân, “manh lệ bốn phương tụ họp”, “binh sĩ một dạ cha con”³, với tư tưởng chiến lược “lấy yếu đánh mạnh”, “lấy ít địch nhiều”, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thắng cường bạo”⁴..., thực hiện chiến tranh du kích, “dùng mai phục”, “đánh bất ngờ”⁵, cô lập địch, đánh nhỏ lẻ, từng bước tiêu hao sinh lực địch, vừa đánh, vừa đàm để củng cố và phát triển lực lượng, tiến lên tổng công kích, tổng tấn công bằng những trận chiến lớn, có tính chất và quy mô chiến dịch, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Ngoài việc cùng với Lê Lợi vạch ra đường lối, chiến lược, sách lược của cuộc kháng chiến chống giặc Minh, Nguyễn Trãi còn nhân danh Lê Lợi làm tất cả các

công việc *giao tiếp với quân Minh, thể hiện tài ngoại giao của ông*. Với tri thức uyên bác, tư duy chính trị, quân sự sắc bén, cùng với cách lập luận, lý giải chặt chẽ, súc tích, thuyết phục, Nguyễn Trãi đã viết thư cho bọn tướng tá của giặc Minh, như Phương Chính, Thái Phúc, Đả Trung, Lương Nhữ Hốt, Lương Minh, Hoàng Phúc, Liễu Thăng, Sơn Thọ, Vương Thông... với thái độ và bút pháp khác nhau, tùy từng đối tượng, hoặc là đề tố cáo, lên án chúng, hoặc là đề thu phục chúng. Chẳng hạn, với những loại người hiểu chiến “hữu dũng vô mưu” như Phương Chính, Mã Kỳ, Hoàng Phúc, Lương Minh... các bức thư của ông viết cho chúng thường là lên án, cảnh cáo, công kích và lôi kéo chúng sa vào mưu kế của ta. Còn với những loại tướng giặc có học thức, lại giữ vai trò quan trọng như Tổng binh Vương Thông, Nguyễn Trãi tỏ ra tôn trọng, thường dẫn ra nhiều điển tích, ngôn ngữ cổ để thuyết phục chúng, như: “Cổ ngữ có câu: “Nước xa không thể cứu lửa gần”. Giá viện binh có đến, cũng không có ích gì cho sự bại vong”. Ông cũng trích dẫn nhiều tư tưởng của Nho giáo, Lão giáo như quan điểm về “đạo”, “Thiên lý”, “Thiên mệnh”, “trung dung”, “nhân”,

¹ *Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1980, tr. 252.

² *Quốc âm thi tập*, Quyển 1, Nxb Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1956, Bài tựa số 2.

³ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr. 79.

⁴ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 79.

⁵ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 79.

“nghĩa”, “lễ”, “tri”, “dũng”, “kính”, “hiếu”..., đặc biệt là dùng vốn tri thức sâu rộng về Kinh Dịch, như quan điểm về “đạo”, “trung”, “thành”, “thời”, “thế”, “bĩ”, “thái”, “thông biến”..., để khuất phục hay phản bác lại đối phương. Chẳng hạn, trong một bức thư gửi cho Vương Thông, Nguyễn Trãi viết: “Tôi từng xem Kinh Dịch 384 hào, mà cốt yếu là chữ “thời”. Cho nên người quân tử theo thời thông biến, nghĩa chữ “thời” to tát sao. Ngày trước khi sang đánh Giao Chi, tướng thần Trung Quốc vâng lệnh đi đánh người có tội, bây giờ là một thời vậy. Ngày nay vận trời tuần hoàn, đi rồi lại lại, lúc ngài phụng mệnh sang đây được tiện nghi hành sự, nếu quả biết theo chiếu thư của Thái Tông mà cho lập con cháu họ Trần để khôi phục nước tôi, thì bây giờ là một thời vậy. Thời! thời! thực không nên nỡ! Kinh thư nói: Ai trước thời ai sau thời giết không tha”⁶; hay ông cũng đã dùng chữ “thành” của Nho giáo để vạch ra sự không thành thực của y rằng, “ngoài mặt thì nói hòa hiếu, ở trong thì tính mưu kế; trước nói hễ dâng biểu thì rút quân ngay, sau lại dựng rào, đắp lũy, xây thành, đào hào. Việc làm như thế là thành thực chăng? Là trá ngụy chăng?”⁷. Và ông đã khẳng khái nói với Vương Thông: “Nếu không nghe, thì nên chinh quân bày trận giao chiến ở chốn bình nguyên, chứ không nên ở chúi trong xô hang cùng và bắt chước thái độ của mụ già như thế!”⁸.

Với những người Việt còn chút lương tâm nhưng trót lầm đường theo giặc, Nguyễn Trãi tác động vào tình cảm, lương tri và danh dự của họ, vạch rõ đúng sai,

khuyến khích họ lập công, chuộc tội, với lời lẽ vừa chân tình vừa nghiêm khắc.

Nguyễn Trãi cũng là người làm công tác địch vận, dựa trên “nghĩa lý quang minh chính trực” và thuật “tâm công” rất tài tình. Chính ông đã đích thân đến thành Tam Giang (Việt Trì) chiêu dụ quân Minh. Tướng giữ thành là Lưu Thanh đã đem toàn bộ quân ra hàng nghĩa quân. Cũng chính Nguyễn Trãi đã viết thư chiêu dụ hàng quân Minh ở Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Xương Giang (Bắc Giang). Trong *Thư dụ hàng (các tướng sĩ trong thành Xương Giang)*, ông viết: “Kể ra, thích cho người sống mà ghét việc giết người, là một người tướng có nhân nghĩa; biết thời cơ mà biết lượng sức mình, là một người tướng có tri thức... Bọn các người nếu biết trên xét thời trời, dưới suy việc người thì có thể được vị lộc đến vô cùng, khỏi để nhân dân một thành bị chém giết; lũ các người được là người trí thức mà ta cũng không mất tiếng là một tướng có nhân nghĩa. Nếu mà cứ mê muội không hiểu biết gì, thì đến ngày thành bị hạ, ngọc đá không phân biệt, không phải là ta cho làm bạo ngược bừa bãi mà là tự lử các người làm ra tội nghiệt đó thôi. Đó thực là lúc còn mất nguy cấp đấy, nên tính cho kỹ, chớ để hối về sau”⁹. Các thành này đều “không phải đánh mà giặc ra hàng

⁶ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.131.

⁷ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.118.

⁸ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.135.

⁹ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.156.

cả”¹⁰. Do đó, Nguyễn Năng Tĩnh trong bài tựa *Ức Trai di tập* đã viết: “Nước Việt ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần, đời nào sáng lập cơ nghiệp đế vương, tất cũng đều phải có tướng tài giúp sức, nhưng tìm được người toàn tài toàn đức như Ức Trai tiên sinh, thật là ít lắm... Nếu không có nghĩa lý quang minh chính trực có thể đập tan được bụng tham tàn của vua quan nhà Minh thì có lẽ nào nhà Minh chịu ngồi nhìn để cho tướng phải đầu hàng, quân phải rút lui, trả lại giang sơn đất nước cho ta mà tay không trở về? Chỉ dùng lời lẽ viết trong văn thư, Ức Trai tiên sinh đã khuất phục được bọn chúng, bắt buộc vua quan nhà Minh phải giảng hòa với ta?”¹¹.

Tư cách nhà chính trị, nhà chiến lược thiên tài của Nguyễn Trãi còn được thể hiện trong *sự nghiệp củng cố và xây dựng đất nước* của ông. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt sự nghiệp “sửa sang thái bình” mà Nguyễn Trãi chủ trương, “giúp đức Thần Khảo ta thay trời làm việc”¹² là: “Mở nền thái bình muôn thuở”, “rửa nỗi sỉ nhục ngàn thu”¹³, là “tắt muôn đời chiến tranh. Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh;”¹⁴ và làm cho “thôn cùng xóm vắng không có tiếng hờn giận oán sầu”¹⁵. Dưới danh nghĩa của Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi đã viết nhiều bài dụ, chiếu, biểu vạch ra cách thức tổ chức quản lý xã hội, lệnh cho quan lại từ đại thần, tổng quản đến các quan ở viện, sảnh, cục phải giữ phép công, phải làm việc cần mẫn, tận trung với vua, hòa mục với dân, bỏ tệ sa hoa, trừ nạn tham ô, sửa tật lười biếng, dứt thói bê đàng¹⁶. Ông cũng khuyên răn Thái tử rèn luyện tài đức, chỉ ra cách sử dụng người

hiền tài, hào kiệt trong nước góp sức vào sự nghiệp cứu nước và kiến quốc, trên cơ sở tinh thần nhân nghĩa và tư tưởng lấy dân làm gốc. Trong thời kỳ thái bình, mặc dù vẫn giữ được quan hàm của triều đình, nhưng do những sự biến trong triều, nhất là khi Lê Thái Tổ mất (năm 1433), vua nối nghiệp là Lê Thái Tông còn nhỏ, tất cả quyền hành đều nằm trong tay Lê Sát và một số đại thần, vốn tham quyền, đổ kỵ, Nguyễn Trãi không có điều kiện để thi thố tài kinh bang tế thế, nhưng ông cũng vẫn nhận sự ủy thác của triều đình, nghiên cứu lễ nghi, điển chương, luật lệ, viết một số văn kiện có ý nghĩa về lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa. Ông viết *Chiếu cầu hiền tài*, *Chiếu dụ hào kiệt*, *Chiếu bàn về phép tiền tệ*, “*Chiếu truyền bách quan không được làm những lễ nghi khánh hạ, Chiếu cấm các đại thần, tổng quản cùng các quan ở viện, sảnh, cục tham lam lười biếng, Chiếu về việc làm “Hậu tự huấn” để răn bảo Thái tử, Chiếu truyền ngôi nối nghiệp...* Trong *Chiếu khuyến dụ hào kiệt*, Nguyễn Trãi viết: “Khuyến các bậc hào kiệt đều nên cùng nhau gắng sức, cứu đỡ muôn dân, đừng có kín tiếng giấu tài,

¹⁰ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.14.

¹¹ *Quốc âm thi tập*, Quyển I, Nxb Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1956, Bài tựa số 1.

¹² *Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1980, tr.252.

¹³ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.82.

¹⁴ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.86.

¹⁵ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.19.

¹⁶ Xem: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.198-199.

hiên thiên hạ phải hãm trong lầm than mãi mãi”¹⁷. Đánh giá về sự nghiệp và tư tưởng chính trị đặc sắc của Nguyễn Trãi *Việt sử thông giám cương mục chính biên* đã viết: “Nguyễn Trãi giúp Lê Thái Tổ khai quốc, rồi lại giúp Lê Thái Tông, tài trí, phép tắc, mưu mô, đạo đức đều vượt hơn hết mọi người lúc bấy giờ”¹⁸.

Với tư cách là nhà văn hóa, nhà tư tưởng lớn, Nguyễn Trãi là người đi sâu nghiên cứu nhiều lĩnh vực khác nhau và đã có một khối lượng tri thức hết sức đồ sộ, phong phú, sâu sắc đề cập đến các vấn đề khác nhau về tự nhiên, xã hội và con người, qua các tác phẩm của ông. Trong tất cả những thành tựu và giá trị văn hóa đặc sắc của Nguyễn Trãi, nổi bật là lĩnh vực khoa học, văn học và tư tưởng của ông.

Trên lĩnh vực khoa học, trước hết, đó là những tri thức về chính trị, quân sự, ngoại giao hết sức phong phú và đặc sắc của Nguyễn Trãi, thể hiện qua các quan điểm, tư tưởng về chủ trương, đường lối, chiến lược, sách lược trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, cũng như trong công cuộc kiến thiết đất nước, trong các tác phẩm lớn như *Bình Ngô sách*, *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Phủ núi Chí Linh*.

Về địa lý, bằng tác phẩm *Dư địa chí*, một công trình địa lý học cổ nhất Việt Nam, có giá trị về địa lý, địa chí, lịch sử, chính trị, gồm 54 mục, không xếp thành chương mục, Nguyễn Trãi đã trình bày về lịch sử, về vị trí và đặc điểm địa lý, khí hậu, hình thể núi sông, thổ nhưỡng, đặc sản, về một số nghề thủ công truyền thống và tập quán của cư dân các đạo.

Về lịch sử, tác phẩm *Lam Sơn thực lục*, là tác phẩm lịch sử ký sự ghi chép về công cuộc 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn, gồm ba quyển, do vua Lê Thái Tổ sai Nguyễn Trãi soạn vào năm 1432; *Vĩnh Lăng thần đạo bi*, là bài văn bia ở Vĩnh Lăng - lăng của vua Lê Thái Tổ.

Về luật pháp và vấn đề tổ chức hành chính nhà nước, Nguyễn Trãi đã viết các tác phẩm *Luật thư* và *Dư địa chí*. Trong đó, *Luật thư* bàn về vai trò của luật lệ và đặc biệt là của pháp luật của quốc gia; *Dư địa chí* ghi lại một số mục kèm theo địa danh và tổ chức đơn vị hành chính của nhà nước.

Bên cạnh đó, qua một số tác phẩm và qua các chiếu, biểu, dụ, Nguyễn Trãi cũng đi sâu nghiên cứu về kinh tế, về điện phạm, âm nhạc, giáo dục. Trong tác phẩm *Giao từ đại tế*, ông đã nghiên cứu các điện phạm hay quy chế, nghi điển, lễ nghi của triều đình. Nguyễn Trãi cũng là người tổng kết âm nhạc dân tộc để soạn ra quốc nhạc, sửa định nhã nhạc, chế định các nhạc cụ của ban nhạc triều đình và là người chế tác khánh đá, loại nhạc cụ cổ dân tộc. Đặc biệt, ông đã đưa ra lý luận hết sức sâu sắc về cái gốc của âm nhạc rằng: “Thời loạn thì dùng võ, thời bình thì dùng văn. Ngày nay định ra lễ nhạc chính là phải thời lễ. Song không có gốc thì không thể đứng vững, không có văn thì không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thân vâng theo chiếu thì thẩm định nhã nhạc,

¹⁷ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr. 149.

¹⁸ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên*, Nxb Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1959, tr.13-14.

không dám không hết lòng. Song học vấn sơ sài, nông cạn sợ trong áng thanh luật khó làm cho được hài hòa. Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân khiến cho trong thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu. Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc”¹⁹.

Về kinh tế, Nguyễn Trãi đã nêu lên quan điểm rất đúng đắn về vai trò và sự cần thiết của tiền tệ; coi tiền tệ là huyết mạch trong trao đổi, mua bán, lưu thông sản phẩm của xã hội: “Tiền là huyết mạch của dân, không thể thiếu được... các đại thần, trăm quan và các sĩ phu trong ngoài, ai hiểu rõ thời vụ, đều bàn bạc về thể lệ dùng tiền, thế nào cho thuận lòng dân”²⁰.

Trong lĩnh vực văn học, Nguyễn Trãi là một trong những nhà văn, nhà thơ lớn thời trung đại. Ông đã sáng tác nhiều tác phẩm văn học gồm cả văn thơ chữ Hán và chữ Nôm, đặc biệt là văn chính luận và thơ trữ tình với các thể loại phong phú, như thơ phú, thư, chiếu, biểu, cáo.

Văn chính luận là thể loại thể hiện tập trung tư tưởng triết học chính trị của ông, trong đó phải kể đến tác phẩm *Bình Ngô sách*, *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo* và một số thư, chiếu, biểu, cáo viết dưới thời Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông (từ năm 1433 đến năm 1442). *Bình Ngô sách* là cả một kế sách lớn nhằm tìm ra con đường, cách thức chiến đấu diệt giặc Minh cứu nước mà Nguyễn Trãi đã nghiên cứu ngầm và trăn trở từ nhiều năm, nay mới tìm thấy người minh chủ xứng đáng để công hiến, đó chính là Lê Lợi. Có điều đáng tiếc là tập *Bình Ngô sách* đã bị thất lạc từ lâu, nhưng theo Lê Quý Đôn thì

trong tác phẩm đó Nguyễn Trãi nêu lên “ba kế sách diệt giặc Ngô”, và theo Nguyễn Năng Tĩnh thì trong đó Nguyễn Trãi nói đến kế sách “đánh vào lòng người”, gọi là “Tâm công”. “Đánh vào lòng người”, là đánh vào tâm tư, tình cảm, ý chí của giặc, là đánh vào bên trong lòng địch; và một kế sách lớn khác mà Nguyễn Trãi luôn chủ trương, đó là phải dựa vào dân, phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết và lòng yêu nước của toàn dân. Đây là một tư tưởng lớn, thể hiện tầm nhìn sâu xa và đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Nguyễn Trãi, nhằm tổ chức cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thành một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, rộng lớn. Do đó, sau Hội thề Lũng Nhai (năm 1416), công việc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành một cách nhanh chóng. Lam Sơn trở thành nơi tập hợp của nghĩa quân, các anh hùng hào kiệt bốn phương, những người yêu nước từ khắp nơi tìm về tụ họp, một lòng cứu nước.

Quân trung từ mệnh tập là sách gồm những văn thư do Nguyễn Trãi thay mặt Lê Thái Tổ soạn gửi cho các tướng tá nhà Minh, từ năm 1423 đến năm 1427. “Sức mạnh hơn mười vạn quân” của những “thư từ trong quân thứ” thực chất là sức mạnh tổng hợp của một tri thức uyên bác, một trình độ tư duy chính trị, quân sự, ngoại giao sắc bén, với tấm lòng yêu nước, thương dân thiết tha và tinh thần đại nghĩa của Nguyễn Trãi. Bằng sự kết hợp giữa thái độ cứng rắn

¹⁹ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1962, tập IX, tr.60-61.

²⁰ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học: *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd., tr.195.

và mềm dẻo, lúc cương, lúc nhu, vừa thuyết phục, vừa thu phục và khuất phục kẻ thù, *Quân trung từ mệnh tập* đã trở thành một mũi tiến công mạnh mẽ, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giặc, góp phần giúp cuộc kháng chiến chống giặc Minh của quân dân Đại Việt giành thắng lợi vẻ vang.

Bình Ngô đại cáo là tác phẩm lớn về văn chương và tư tưởng Việt Nam thời trung đại, được coi là áng “thiên cổ hùng văn”, nhằm tổng kết toàn bộ quá trình và thành quả to lớn của cuộc kháng chiến vô cùng gian khổ nhưng rất vẻ vang của nhân dân ta chống giặc Minh xâm lược, chứng tỏ Nguyễn Trãi có một tri thức sâu rộng về lịch sử, văn hóa, chính trị, quân sự... *Bình Ngô đại cáo* cũng khẳng định đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn và sáng tạo của nghĩa quân Lam Sơn; là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc ta, sau bài thơ thần *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt, khẳng định chủ quyền quốc gia, dân tộc, qua truyền thống lịch sử và văn hiến lâu đời, rạch rỡ; núi sông bờ cõi phân định; các triều đại bao đời hùng cứ một phương, sánh ngang với các triều đại phương Bắc; phong tục, tập quán mang bản sắc riêng; các anh hùng hào kiệt, chủ nhân của quốc gia Đại Việt độc lập, thống nhất, tự chủ, đời nào cũng có, thể hiện lòng tự hào dân tộc của Nguyễn Trãi.

Về thơ phú, *Ức Trai tập* là tập thơ bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi gồm 105 bài thơ, trong đó có bài *Côn Sơn ca* nổi tiếng; tác phẩm *Quốc âm thi tập*, là tập thơ bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi, gồm 254 bài thơ, đây là tập thơ Nôm xưa nhất của Việt Nam còn lại đến nay. Với tập thơ này,

Nguyễn Trãi trở thành là một trong những người đặt nền móng cho văn học chữ Nôm của Việt Nam. Có thể nói, “*Từ Bình Ngô đại cáo* qua các bức thư gửi tướng tá quân xâm lược đến thơ chữ Hán và chữ Nôm... ngòi bút thần của Nguyễn Trãi để lại cho chúng ta những tác phẩm gồm nhiều thể văn và tất cả đều đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, đều hay và đẹp lạ thường”²¹.

Trên lĩnh vực tư tưởng, tư tưởng của Nguyễn Trãi thể hiện rất sâu sắc cả trong thế giới quan lẫn nhân sinh quan, qua hầu hết các tác phẩm lớn của ông. Đó là quan điểm của Nguyễn Trãi về thế giới, về trời đất, vạn vật, với các phạm trù, khái niệm: “Vũ trụ”, “thiên nhiên”, “Thiên mệnh”, “đạo trời”, “lòng trời”, “ý trời”, “vận trời” và cả sự vận động, biến hóa của thiên nhiên, trời đất, vạn vật, của “Càn khôn bĩ rồi lại thái. Nhật nguyệt hối mà lại minh”²². Đó là quan điểm về nhân sinh đạo đức, qua sự phân tích, luận giải của ông về đạo lý làm người, với các phạm trù: “Đạo lý”, “trung”, “hiếu”, “nhân”, “nghĩa”, “lễ”, “tri”, “dũng”, “nhân tâm”, “hòa mục”, “cần mẫn”, “thành thực”, “thịnh suy”, “thành bại”, “họa phúc”, “hiếu sinh” và đặc biệt là quan điểm về “nhân nghĩa” hoàn toàn khác với quan niệm của Nho giáo, rằng: “Việc nhân nghĩa cốt ở an dân; Quân cứu nước trước cần trừ bạo”²³. Đó còn là quan điểm về giáo dục như: “Kẻ khôn thì dạy kẻ ngay

²¹ *Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1980, tr.15.

²² *Ức Trai tập*, thượng, quyển 1, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1972, tr.323.

²³ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.77.

phàm... Nên thợ nên thầy vì có học”, “Trí sáng việc rành”²⁴. Đặc biệt là quan điểm hết sức tiên bộ về nhân dân của Nguyễn Trãi. Ông khẳng định nhân dân là người sáng tạo ra của cải vật chất cho xã hội: “Thường nghĩ quy mô lớn lao lộng lẫy đều là sức lao khổ của quân dân”²⁵; và nhân dân cũng là lực lượng chủ yếu quyết định vận mệnh của dân tộc, sự thịnh suy của đất nước: “Dân là nước, quốc gia là thuyền..., mà chớ thuyền, lật thuyền cũng là dân”²⁶. Đặc biệt, quan điểm của Nguyễn Trãi về chính trị - xã hội qua những quan niệm về thời, thế, về quốc gia, dân tộc, và tầm nhìn chiến lược của ông về nền an ninh, thái bình lâu bền của quốc gia, thể hiện tinh thần tư duy biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử, với lòng tự hào, tự tôn dân tộc cao cả; tâm hồn, ý chí, hoài bão lớn; nhân cách, phẩm chất, đạo đức thanh cao, mà cốt lõi là tinh thần nhân nghĩa của ông.

Bên cạnh những đóng góp có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn qua cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Nguyễn Trãi, do sự chế định của điều kiện lịch sử, nên cũng còn những hạn chế nhất định. Về mặt thế giới quan, trong quá trình lý giải các vấn đề hiện thực khác nhau, Nguyễn Trãi vẫn còn ít nhiều ảnh hưởng của tư tưởng duy tâm, qua các quan điểm về trời, về “Thiên mệnh”, số mệnh, vận mệnh, thể hiện trong hình thức diễn đạt và trong một số nội dung của các quan điểm này. Về nhân sinh quan, Nguyễn Trãi luôn mơ ước có một xã hội “vua thánh, tôi hiền” và những tháng ngày “vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn”²⁷, nhưng với hiện thực và mâu thuẫn xã hội hết sức phức tạp thời kỳ Lê

sơ, những mong ước đó của ông khó có thể thực hiện được một cách trọn vẹn.

Trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi thường nói nhiều về nhân tình thế thái. Trong đó thể hiện một cốt cách, một tinh thần, một lối sống thanh cao, không màng công danh, phú quý; nhưng đằng sau đó cũng ẩn chứa một thái độ an phận, pha chút buồn chán, bi phẫn của ông. Cho nên ông đã dùng rất nhiều từ như “ẩn dật”, “yên phận”, “yên lòng”, “yên thân”, “thân nhàn”, “thanh nhàn”, “nhàn chơi”, “duông nhàn chơi”²⁸... Đó cũng là do tính chế định của lịch sử, Nguyễn Trãi không thể làm khác được.

Tóm lại, tìm hiểu về giá trị cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Nguyễn Trãi với tư cách là nhà chính trị, nhà chiến lược thiên tài, nhà văn hóa, nhà tư tưởng lớn, không chỉ giúp chúng ta càng hiểu được sâu thêm tài năng, đức độ của ông, mà còn từ đó rút ra những bài học lịch sử quý báu cho thực tiễn cuộc sống hôm nay. Đó là tấm gương sáng *suốt đời hy sinh vì dân, vì nước* của ông. Vì thế “Nguyễn Trãi sẽ sống mãi mãi trong trí nhớ và tình cảm của người Việt Nam ta. Và chúng ta còn phải làm cho tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Trãi rạng rỡ ra ngoài bờ cõi nước ta”²⁹. □

²⁴ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.454, 159.

²⁵ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.196.

²⁶ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.203.

²⁷ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.420.

²⁸ Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1976): *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd., tr.415, 420, 421.

²⁹ *Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1980, tr.14-15.